

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 311/2025/LĐ-ST
Ngày: 20 – 6 - 2025
V/v: “Tranh chấp về hợp đồng
lao động”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Tín

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Thị Thu Yển – Nguyên Phó Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Ông Lê Văn Công - Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 392/2024/TLST-LĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024 về việc: “Tranh chấp về hợp đồng lao động”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2025/QĐXXST-LĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1992; thường trú: Ấp P, xã T, huyện V, Thành phố Cần Thơ; tạm trú: 50A/5 khu phố D, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH J; địa chỉ: Lô P, khu C, Khu công nghiệp V, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị M, thường trú: xã P, huyện A, tỉnh An Giang; tạm trú: 50A/5, Khu phố D, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

+ Bảo hiểm xã hội thành phố T, địa chỉ: Đường N, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà Nguyễn Thị T có tham gia bảo hiểm xã hội. Bà T liên hệ Bảo hiểm xã hội thành phố T để làm thủ tục rút Bảo hiểm xã hội một lần thì được thông báo thời điểm từ tháng 5 năm 2012 đến tháng 6 năm 2012 bà T có ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH J, công ty này có đóng bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị T, tuy nhiên thực tế bà T không có làm việc tại Công ty TNHH J. Vào năm 2012 Bà T có cho bà Nguyễn Thị M mượn giấy chứng minh nhân dân của bà T để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH J, người làm việc thực tế tại Công ty TNHH J là bà Nguyễn Thị M.

Việc bà M sử dụng thông tin của bà T để giao kết hợp đồng lao động là không đúng với quy định của pháp luật, có hành vi gian dối, vi phạm nguyên tắc trung thực. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên hợp đồng lao động giữa người lao động Nguyễn Thị T với Công ty TNHH J là vô hiệu, bà T không có yêu cầu Tòa án giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn Công ty TNHH J đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các giấy triệu tập Công ty TNHH J đến Tòa án tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên Công ty TNHH J đều vắng mặt không rõ lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T trình bày: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1992, số chứng minh nhân dân 352229924, số căn cước công dân 089192000537 tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp với các mã số bảo hiểm xã hội như sau:

+ Đối với mã số bảo hiểm xã hội 7412168305, bà Nguyễn Thị T tham gia BHXH từ tháng 5/2012 đến tháng 6/2012 tại Công ty TNHH J, đã được Bảo hiểm xã hội tỉnh B chốt sổ, chưa hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần và trợ cấp thất nghiệp.

+ Đối với mã số bảo hiểm xã hội 7413009012, bà Nguyễn Thị T tham gia BHXH từ tháng 3/2013 đến tháng 4/2023 tại Công ty TNHH U và Công ty TNHH T1, chưa hưởng bảo hiểm xã hội một lần.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, Bảo hiểm xã hội thành phố T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M trình bày: Thời điểm tháng 5 năm 2012 do bà chưa đủ tuổi lao động nên mượn chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị T để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH J với tên Nguyễn Thị T và tham gia bảo hiểm xã hội với tên của bà T. Hợp đồng lao động bà không còn giữ nên không thể cung cấp cho Tòa án được. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T thì bà đồng ý, không có yêu cầu hay ý kiến gì khác và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và và Bảo hiểm xã hội thành phố T chấp hành đúng pháp luật tố tụng, Công ty TNHH J không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng lao động.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện tuyên bố hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên Nguyễn Thị T (do bà Nguyễn Thị M là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH J vào thời điểm tháng 5/2012 đến tháng 6/2012 là vô hiệu toàn bộ. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về hợp đồng lao động” được quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty TNHH J có địa chỉ trụ sở tại lô P, khu C, Khu công nghiệp V, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn Công ty TNHH J được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng đều vắng mặt. Việc vắng mặt của Công ty trong quá trình tố tụng được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty; nguyên đơn bà T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Bảo hiểm xã hội thành phố T đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

[1.4]. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của việc tuyên bố hợp đồng lao động giữa người lao động có tên là Nguyễn Thị T (do bà Nguyễn Thị M là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH J trong khoảng thời gian làm việc từ tháng 5/2012 đến tháng 6/2012 là vô hiệu; đồng thời người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T cũng không có yêu cầu gì trong vụ án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Căn cứ vào trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy bà Nguyễn Thị M dùng chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị T để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH J trong thời gian từ tháng 5/2012 đến tháng 6/2012 tại sổ bảo hiểm xã hội số 7412168305.

[2.2]. Theo khoản 1 Điều 15 và Điều 16 của Bộ luật lao động quy định khi giao kết hợp đồng lao động phải trên nguyên tắc: “*Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực*” và người lao động có nghĩa vụ: “*Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*”.

Mặt khác, theo Điều 49 của Bộ luật Lao động quy định: Hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ khi người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này.

[2.3]. Thực tế người lao động ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH J là bà Nguyễn Thị M, không phải bà Nguyễn Thị T. Việc bà M mượn giấy tờ tùy thân của bà T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH J là vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo khoản 1 Điều 15 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động 2019, nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động 2019 đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T là có cơ sở chấp nhận.

[2.4]. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn Công ty TNHH J về việc tranh chấp hợp đồng lao động.

[2.5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu tiền án phí lao động sơ thẩm. Do Bà T tự nguyện chịu tiền án phí lao động sơ thẩm nên Công ty TNHH J không phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 117, 122, 127, 131 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Các Điều 17, 50, 51 và Điều 52 Bộ luật Lao động năm 1994 (các Điều 15, 49, 50 và Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019);

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc “Tranh chấp về hợp đồng lao động” với bị đơn Công ty TNHH J.

- Tuyên bố Hợp đồng lao động giao kết giữa bà Nguyễn Thị T và Công ty TNHH J trong thời gian từ tháng 5/2012 đến tháng 6/2012 bị vô hiệu toàn bộ.

- Cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với bà Nguyễn Thị T theo quy định pháp luật.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu tiền án phí lao động sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005338 ngày 31/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Công ty TNHH J không phải chịu tiền án phí lao động sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thuận An;
- CCTHADS Tp. Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trung Tín